

Số: /BC-UBND

Tam Dương, ngày tháng 4 năm 2021

**BÁO CÁO**  
**TỔNG KẾT SẢN XUẤT VỤ MÙA - VỤ ĐÔNG NĂM 2020;**  
**ĐỊNH HƯỚNG SẢN XUẤT VỤ MÙA - VỤ ĐÔNG NĂM 2021**

**Phần thứ nhất**  
**TỔNG KẾT SẢN XUẤT VỤ MÙA - VỤ ĐÔNG NĂM 2020**

**I. NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN**

**1. Thuận lợi**

Sản xuất nông nghiệp luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Huyện ủy, HĐND, UBND huyện, sự phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành, cùng với những cố gắng nỗ lực của ngành Nông nghiệp & PTNT và bà con nông dân trong huyện, sản xuất vụ Mùa - vụ Đông năm 2020 cơ bản đạt mục tiêu đề ra.

Nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp đã được thực hiện góp phần thúc đẩy các thành phần kinh tế, nông dân tích cực tham gia sản xuất, là động lực quan trọng cho sự phát triển sản xuất nông nghiệp trong thời gian tiếp theo;

Nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật mới về cây trồng, phân bón, thuốc BVTV...được ứng dụng vào sản xuất; cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất nông nghiệp, nhất là hệ thống thủy lợi, giao thông nội đồng được hoàn thiện hơn;

Các địa phương đã chủ động xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất theo định hướng Tái cơ cấu ngành nông nghiệp, phù hợp với lợi thế của vùng; chất lượng hoạt động dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp ngày càng được nâng lên;

Xuất hiện các hình thức tổ chức sản xuất mới theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung với quy mô lớn, sản xuất nông sản an toàn,...;

Cơ giới hóa trong sản xuất được đẩy mạnh đặc biệt ở khâu làm đất và thu hoạch.

Diễn biến thời tiết, khí hậu trong vụ Mùa, vụ Đông năm 2020 tương đối thuận lợi vì vậy, năng suất của cây trồng nói chung cao hơn so với cùng kỳ.

**1.2. Khó khăn**

Sản xuất nông nghiệp manh mún ảnh hưởng đến việc đầu tư, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nhất là khâu sơ chế sản phẩm sau thu hoạch. Công tác quy hoạch vùng sản xuất hàng hóa, vùng sản xuất cây trồng có ưu thế của từng địa phương chưa được chú trọng do vậy, giá trị kinh tế từ cây trồng vụ đông chưa cao, chưa phát huy được tiềm năng, thế mạnh của

từng vùng cụ thể;

Giá cả vật tư đầu vào ở mức cao, thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp gặp nhiều khó khăn, nông sản của người dân sản xuất ra chưa tìm được đầu mối tiêu thụ ổn định, liên kết trong sản xuất đang là một bài toán nan giải dẫn đến nông sản làm ra được tiêu thụ chủ yếu ngoài thị trường tự do, chịu nhiều sức ép của thương lái về giá;

Chất lượng lao động nông nghiệp còn thấp, chủ yếu lao động phổ thông chưa qua đào tạo nên hạn chế việc tiếp thu, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, tiếp cận thông tin còn chậm, công tác dự báo thị trường chưa được kịp thời;

## II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT

### 1. Vụ Mùa

Toàn huyện đã gieo trồng được 3.806,2 ha cây hàng năm, tăng 11,9 % so với kế hoạch; tăng 4,1% so với cùng kỳ bằng 151,6 ha. Trong đó:

- Cây lúa:

+ Diện tích gieo cấy là 3.063,2 ha; tăng 2,2% so với kế hoạch; giảm 2,3% so với cùng kỳ bằng 71,3 ha (*do Nhà nước thu hồi đất để làm đường giao thông, xây dựng hạ tầng, đất dịch vụ, đất đấu giá, đất giãn dân, làm trụ sở... và diện tích còn lại chuyển sang cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao hơn*);

+ Năng suất đạt 51,3 tạ/ha, tăng 3,7% so với cùng kỳ; sản lượng đạt 15.714,4 tấn, so với cùng kỳ tăng 1,3% bằng 198,6 tấn (*Do diện tích các giống lúa chất lượng, năng suất tăng cùng với điều kiện thời tiết thuận lợi*);

+ Diện tích lúa chất lượng là 2.155,2ha chiếm 70,3% cơ cấu giống, tăng 3,8% so với cùng kỳ trong đó giống lúa chất lượng được hỗ trợ từ Nghị quyết 201/NQ-HĐND tỉnh là 1.763,3 ha; Lượng giống còn lại đã được cửa hàng vật tư Nông nghiệp huyện, các đại lý, các HTX trên địa bàn huyện cung ứng cho bà con nông dân sản xuất;

- Các loại cây hàng năm khác: Diện tích gieo trồng là 742,1 ha tăng 85,5% so với kế hoạch; tăng 222 ha so với cùng kỳ. Cây trồng chủ yếu là dưa chuột, lạc, mướp và rau màu khác.

*(Chi tiết tại phụ lục 1 phần phụ lục).*

### 2. Vụ Đông

Tổng diện tích gieo trồng 1.811,9ha, giảm 2,5% so với kế hoạch, tăng 3,2% so với cùng kỳ bằng 57,5 ha. Trong đó:

- Cây ngô: 492,6 ha, tăng 2,6% so với cùng kỳ, gồm nhóm giống: NK4300, NK6654, NK66, LVN4, HN45... Năng suất trung bình đạt 43 tạ/ha, sản lượng đạt 2.118,1tấn;

- Các cây trồng khác: 1.376,9 ha, trong đó: Dưa chuột 290,4 ha; bí đỏ 230,1 ha; khoai lang 121,8 ha; lạc 37,1 ha; đậu tương 15,8 ha; Su su 28,7 ha; rau màu

khác: 653,1 ha.

Diện tích đất không canh tác là: 2.066,1 ha chiếm 53,3% tổng diện tích canh tác (3.878ha), một số nguyên nhân chính làm giảm diện tích cây vụ Đông năm 2020 cụ thể như sau:

- UBND tỉnh không còn cơ chế hỗ trợ cây trồng vụ Đông năm 2020.
- Một số lao động nông thôn chuyển sang làm công nhân cho các công ty và chuyển sang các ngành nghề khác có thu nhập cao so với làm nông nghiệp;
- Diện tích gặp nhiều khó khăn về nước tưới, tiêu ở một số địa phương;

*(Chi tiết tại phụ lục 2 phần phụ lục).*

### **3. Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp**

- Vụ Mùa: UBND huyện giao phòng Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp với Trung tâm giống Nông nghiệp tỉnh Vĩnh phúc đã chuyển giao các loại giống lúa thuần chất lượng cao: BC15, Thiên Ưu 8, Đài Thơm 8, DQ11 và DT39 Quế Lâm với tổng số lượng giống là 88.163kg (1.763,3ha). Trong đó giống Thiên ưu 8 là 23.740 kg (474,8ha), giống BC15 là 50.581kg (1.011,62ha), giống DQ11 là 1.186 kg (23,7ha), giống Đài Thơm 8 là 5.421kg (108,4ha), giống DT39 Quế Lâm là 703 kg (14,1ha) cho 13 xã, thị trấn.

- Vụ Đông: UBND huyện giao phòng Nông nghiệp và PTNT phối hợp với các cơ quan chuyên môn của tỉnh, UBND các xã, thị trấn và các cơ quan liên quan của huyện tổ chức thực hiện mô hình sản xuất rau an toàn theo VietGAP tại xã, thị trấn: An Hòa, Hợp Thịnh, Hướng Đạo, Thanh Vân, Hợp Hòa... với diện tích 823,3 ha. Trong đó cây dưa chuột 350 ha, cây bí đỏ 200 ha, cây ớt 17 ha, khoai tây 18 ha, rau ăn lá 238,3 ha, trong quá trình thực hiện phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các cơ quan chuyên môn của tỉnh, UBND các xã, thị trấn hướng dẫn, chỉ đạo nhân dân thực hiện nghiêm túc quy trình sản xuất rau an toàn theo VietGAP.

- Trong năm 2020 hỗ trợ thực hiện cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp được 50 máy, trong đó: Máy làm đất > 35Hp = 13 máy; máy làm đất < 35Hp = 25 máy; máy lên luống = 5 máy; máy gặt đập liên hợp = 2 máy; máy vắt sữa = 5 máy.

- Năm 2020, tỉnh đã hỗ trợ 3 đợt diệt chuột với tổng số: 50.400 gói thuốc diệt chuột Ranpart 2%DS.

## **III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT VỤ MÙA - VỤ ĐÔNG 2020**

### **1. Kết quả đạt được**

#### **1.1. Công tác tổ chức, chỉ đạo**

UBND huyện đã kịp thời ban hành văn bản chỉ đạo, thành lập Ban chỉ đạo, tổ công tác sản xuất vụ Mùa - vụ Đông năm 2020, hướng dẫn sản xuất đối với từng thời điểm, giai đoạn sinh trưởng của cây trồng và thông báo thời gian cao điểm sâu bệnh để người dân biết phòng trừ;

Chỉ đạo phòng chuyên môn của huyện và UBND các xã, thị trấn tăng cường kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện tốt lịch thời vụ gieo cấy lúa nhằm hạn chế ảnh hưởng của thời tiết bất lợi và sâu bệnh gây hại; công tác phòng trừ sâu bệnh và chuột hại; chỉ đạo quyết liệt phòng trừ sâu cuốn lá, sâu đục thân, bệnh khô vằn hại lúa, nên đã hạn chế thấp nhất thiệt hại do thiên tai và dịch hại gây ra. Cơ cấu cây trồng có sự chuyển biến rõ nét, các giống lúa chất lượng tiếp tục được duy trì và mở rộng diện tích như: BC15, HT1, Thiên ưu 8,... Các cây trồng có giá trị kinh tế cao như: Cây dưa chuột, bí đỏ, su su, ... được phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa;

Các loại giống cây trồng chuyên giao trong vụ Mùa 2020 đảm bảo chất lượng tốt, qua kiểm tra đánh giá quá trình sinh trưởng phát triển của lúa, có độ thuần cao, phát triển tốt, góp phần tăng năng suất cây trồng;

Công tác quản lý, điều hành nước tưới trong vụ Mùa vụ Đông từng bước đáp ứng được nhiệm vụ tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp.

### ***1.2. Công tác tuyên truyền, chuyển giao và ứng dụng TBKT***

Ngành nông nghiệp đã phối hợp chặt chẽ với Ban Tuyên giáo Huyện ủy, Trung tâm VH-TT-TT, tuyên truyền những giống cây trồng mới như các giống lúa: Thiên ưu 8, BC15, TBR225, HT1,... đồng thời, tuyên truyền hướng dẫn về thời vụ gieo trồng, chuyển giao giống và phổ biến các biện pháp kỹ thuật chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng tới bà con nông dân trong huyện.

### ***1.3. Cơ cấu cây trồng, giống và thời vụ***

#### ***1.3.1. Về cơ cấu giống cây trồng***

Các giống lúa mới năng suất, chất lượng như: Thiên Ưu 8, BC15, RVT, TBR225,... chiếm 70,3%, giống lúa KD18 chiếm 26,9% còn lại các giống khác như: TBR45, TH3-3, GS9, Q5... chiếm 2,8%.

*(Chi tiết tại phụ lục 3 phần phụ lục).*

Các giống ngô lai, ngô nếp (LVN4, NK4300, NK6654, NK66, Wax44, MX6, MX9) được sử dụng chủ yếu; vụ đông còn đẩy mạnh phát triển giống ngô biến đổi gen NK4300 Bt/Gt, NK66 Bt/Gt;

Về giống rau màu: Bà con vẫn đang sử dụng các giống rau màu đã khẳng định được năng suất, chất lượng qua nhiều vụ như các giống dưa chuột: VL118F1, VL106F1, dưa chuột truyền thống ...; Bên cạnh đó, các giống dưa chuột chịu nhiệt, dưa chuột nếp...; cây bí đỏ Super gold star 999, F1-868...; cây ớt như Hiếm lai F1Demon, Hotchilli... có năng suất cũng đã được đưa vào sản xuất.

#### ***1.3.2. Về thời vụ***

Vụ Mùa - vụ Đông 2020 do được chủ động ngay từ đầu vụ, nên sản xuất được đảm bảo trong khung thời vụ quy định, thời điểm lúa trổ vẫn như trung bình hàng năm xung quanh tiết lập thu 8/8. Vụ Đông 2020 thời tiết tương đối thuận lợi cho cây trồng sinh trưởng, phát triển vì vậy, năng suất tăng so với cùng kỳ.

## ***1.4. Các hoạt động dịch vụ phục vụ sản xuất***

### ***1.4.1. Công tác BVTV***

- Vụ mùa năm 2020

Nhìn chung tình hình sâu bệnh gây hại trong vụ mùa 2020 ở mức tương đương so với năm 2019 và nhẹ hơn so với TB nhiều năm. Một số đối tượng gây hại nặng cục bộ như: sâu đục thân, bệnh khô vằn...

Tổng diện tích nhiễm của các đối tượng sâu bệnh trong vụ là: 756 ha trong đó: Diện tích nhiễm nhẹ 701 ha, nhiễm trung bình 55 ha, không có diện tích nhiễm nặng diện tích được phòng trừ 1.568ha, trong đó diện tích phòng trừ chuột 1260 ha đã được tỉnh hỗ trợ thuốc diệt chuột tập trung.

- Vụ Đông năm 2020

Trên cây ngô rệp cò gây hại ở mức nhẹ hơn các năm trước, bệnh khô vằn, sâu đục thân, đục bắp gây hại ở mức nhẹ, bệnh gỉ sắt gây hại mạnh trên các giống ngô ngọt, ngô nếp. Trên dưa chuột và cà chua bệnh sương mai, giả sương mai, đốm lá gây hại ở mức nhẹ đến TB, hại nặng cục bộ trên dưa chuột. Trên rau họ thập tự các đối tượng sâu bệnh gây hại ở mức nhẹ đến TB như sâu xanh, sâu tơ, bọ nhậy, thối nhũn. Trên cây su su bệnh thối gốc héo xanh, bệnh sương mai gây hại rải rác;

Phòng Nông nghiệp và PTNT, trạm Trồng trọt và BVTV, trạm Khuyến nông đã phân công cán bộ theo dõi, phụ trách từng xã, thị trấn để chỉ đạo, hướng dẫn nông dân phun trừ đúng kỹ thuật đạt hiệu quả cao nhất;

UBND huyện đã chỉ đạo phòng Nông nghiệp và PTNT, Trạm Trồng trọt và BVTV huyện cùng UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch diệt chuột vụ Mùa- vụ Đông năm 2020.

Các đối tượng sâu bệnh hại chính trong vụ Mùa - vụ Đông 2020 được kiểm soát chặt chẽ và không chế tối đa nên đã góp phần tiết kiệm được nhiều công sức, vật tư và kinh phí, đảm bảo an toàn cho sản xuất.

### ***1.4.2. Về thủy lợi***

Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn tăng cường công tác quản lý nguồn nước đảm bảo tưới tiêu hiệu quả và cung cấp đúng lịch thời vụ gieo trồng;

Phòng Nông nghiệp & PTNT; UBND các xã, thị trấn phối hợp tốt với Xí nghiệp thủy lợi Tam Dương, Làng Hà điều tiết, cung cấp đủ nước tưới cho các loại cây trồng, có các giải pháp chống hạn và chống úng kịp thời, hiệu quả.

### ***1.4.3. Về dịch vụ giống***

Vụ mùa, UBND huyện giao phòng Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Trung tâm giống Nông nghiệp tỉnh Vĩnh phúc đã chuyển giao các loại giống lúa thuần chất lượng cao: BC15, Thiên Ưu 8, Đài Thơm 8, DQ11 và DT39 Quế Lâm với tổng số lượng giống là 88.163kg (1.763,3ha). Trong đó giống Thiên ưu 8 là 23.740kg (474,8ha), giống BC15 là 50.581kg (1.011,62ha), giống DQ11 là 1.186kg (23,7ha), giống Đài Thơm 8 là 5.421kg (108,4ha), giống DT39 Quế Lâm là 703kg (14,1ha) cho 13 xã, thị trấn. Lượng giống còn lại chủ yếu được cung cấp

qua Cửa hàng Vật tư huyện, các đại lý bán buôn, bán lẻ trên địa bàn, các HTX dịch vụ nông nghiệp, đoàn thể của các xã, thị trấn;

Vụ đông, UBND huyện giao Phòng Nông nghiệp và PTNT chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan tuyên truyền, hướng dẫn người dân mở rộng diện tích cây trồng vụ đông năm 2020;

Các giống rau quả: Bí đỏ, dưa chuột, ớt được Trung tâm khuyến nông tỉnh Vĩnh Phúc chuyên giao hỗ trợ theo nghị quyết 201 về tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

### **1.5. Các mô hình trình diễn, đề tài nghiên cứu**

- Phòng Nông nghiệp & PTNT

Tổ chức thực hiện đề tài Nghiên cứu, xây dựng và phát triển thương hiệu Dứa Hương Đạo, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. Đề tài bước đầu đã giải quyết được một số tồn tại trong sản xuất dứa, cây trồng đặc sản của địa phương và tìm được hướng đi cho cây dứa của Tam Dương nhằm đáp ứng được yêu cầu của thị trường ngày càng khắt khe.

- Trạm Khuyến nông tổ chức triển khai thực hiện được 06 mô hình trình diễn trong đó:

\* *Vụ Mùa năm 2020:*

+ Mô hình trình diễn giống lúa Bắc Xuyên, VNB20 quy mô 01ha tại xã Thanh Vân, năng suất đạt trung bình 72,0 tạ/ha ;

+ Mô hình sản xuất lúa theo hướng hữu cơ quy mô 3,6 ha tại xã Đồng Tĩnh, năng suất đạt 54,56 tạ/ha;

+ Phối hợp với HTX sản xuất giống cây trồng Quán Tiên thực hiện mô hình trình diễn giống lúa tẻ Thom 96 quy mô 2 ha tại Thị trấn Hợp Hòa, năng suất đạt 67,8 tạ/ha.

+ Mô hình chăn nuôi gà thị theo hướng hữu cơ quy mô 1.000 con tại thị trấn Hợp Hòa cho lãi 25,9 triệu đồng/1.000 con

+ Phối hợp với Trung tâm Khuyến nông tỉnh triển khai mô hình chăn nuôi vịt trên sàn tại xã Hoàng Hoa cho lãi là 19,8 triệu đồng/1.000 con.

\* *Vụ Đông 2020:* Mô hình cải ăn lá an toàn theo VietGap tại HTX rau an toàn Vĩnh Phúc quy mô 5 ha, năng suất trung bình đạt 17-18 tạ/ha.

### **2. Tồn tại, hạn chế**

- Cấp ủy Đảng, Chính quyền một số địa phương chưa thực sự quan tâm, còn xem nhẹ trong công tác chỉ đạo sản xuất vụ Đông 2020, dẫn đến diện tích không gieo trồng để đất trồng còn nhiều;

- UBND tỉnh không có cơ chế hỗ trợ đối với các cây trồng vụ Đông năm 2020, nên công tác triển khai phát triển cây vụ Đông còn gặp nhiều khó khăn, chưa kích thích người dân gieo trồng hết diện tích;

- Quy mô sản xuất vẫn còn nhỏ, chưa tạo lập được những sản phẩm hàng

hoá có khối lượng lớn, ổn định gắn với thị trường, nông sản có thương hiệu còn quá ít, nên giá cả thường không ổn định;

- Trình độ thâm canh của bà con nông dân còn nhiều hạn chế như: bón phân không cân đối, chưa điều tiết nước tưới hợp lý trong sản xuất lúa, lạm dụng phân urê và thuốc BVTV trong sản xuất rau dẫn tới chất lượng nông sản chưa thực sự đảm bảo VSATTP.

## **Phần thứ hai**

### **ĐỊNH HƯỚNG SẢN XUẤT VỤ MÙA - VỤ ĐÔNG NĂM 2021**

#### **I. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VỤ MÙA - VỤ ĐÔNG 2021**

##### **1. Thời tiết và nguồn nước**

Với tình trạng biến đổi khí hậu toàn cầu nên tình hình thời tiết, khí hậu, thủy văn và thiên tai vụ Mùa - vụ Đông năm 2021 sẽ có những diễn biến phức tạp, khó lường. Nhiệt độ trung bình năm 2021 sẽ thấp hơn so với năm 2020, nắng nóng sẽ xuất hiện muộn và ít gay gắt hơn so với năm 2020. Tổng lượng mưa xấp xỉ so với trung bình nhiều năm. Tuy nhiên, tình hình mưa, bão vẫn sẽ diễn biến bất thường hơn; các loại hình thiên tai có chiều hướng gia tăng cả về số lượng và mức độ nguy hiểm, sẽ có khoảng 10-12 cơn bão ảnh hưởng đến nước ta gây mưa lớn, ngập úng có thể xảy ra trên diện rộng.

##### **2. Thị trường**

Năm 2021, được dự báo là năm môi trường kinh tế có nhiều khó khăn do dịch bệnh Covid-19 trong nước và trên thế giới vẫn còn diễn biến phức tạp làm cho ngành rau, quả, cùng với đó là sự mở rộng thị trường xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp rất khó khăn;

Trong khi đó hàng loạt các chính sách khuyến khích, phát triển nông nghiệp của tỉnh sẽ thúc đẩy sản xuất nông nghiệp của tỉnh nói chung và của huyện Tam Dương nói riêng ngày càng phát triển bền vững, ổn định. Thị hiếu người tiêu dùng sẽ dần hướng tới các sản phẩm an toàn, vì vậy việc áp dụng các quy trình sản xuất, chế biến nông lâm thủy sản đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm (VietGap; GlobalGap) đang là hướng đi đem lại hiệu quả bền vững.

#### **II. ĐỊNH HƯỚNG CHUNG**

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng mở rộng diện tích cây hàng hóa có năng suất, chất lượng, giá trị kinh tế cao, có thị trường tiêu thụ; Xây dựng vùng sản xuất rau quả theo chuỗi giá trị áp dụng quy trình VietGap đối với một số sản phẩm rau, quả là thế mạnh của từng vùng và xây dựng nhãn hiệu hàng hóa, thương hiệu các sản phẩm rau, quả truyền thống có lợi thế cạnh tranh;

- Tập trung phát triển nông nghiệp công nghệ cao tại các vùng theo quy hoạch, thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển sản xuất nhằm tạo ra những sản phẩm có giá trị gia tăng cao, có sức cạnh tranh trên thị trường;

- Tăng cường đưa tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất; mở rộng diện tích sử dụng giống lúa năng suất, chất lượng, cây trồng hàng hóa; đẩy mạnh áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt trên các loại cây trồng nhằm tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân;

- Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm trồng trọt trên địa bàn;

- Thực hiện và khuyến khích việc dồn thửa, đổi ruộng nhằm góp phần đẩy mạnh áp dụng tiến bộ KHKT, cơ giới hóa vào sản xuất; Khuyến khích các tổ chức, cá nhân thuê ruộng, gom ruộng để sản xuất tập trung nhằm tạo khối lượng sản phẩm hàng hóa lớn, sức cạnh tranh cao, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện;

- Làm tốt công tác đảm bảo chất lượng ATTP trong sản xuất trồng trọt. Bón phân đủ, cân đối, tăng cường sử dụng phân bón tổng hợp, phân kali, phân hữu cơ, phân bón lá, thuốc BVTV sinh học, thảo mộc.

- Chủ động các phương án phòng chống thiên tai, dịch hại; sử dụng nguồn nước tưới hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả.

## **II. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CỤ THỂ**

**1. Vụ mùa:** Diện tích đạt 3.440 ha, trong đó:

### **- Cây lúa**

+ Diện tích: 3.000 ha, mở rộng diện tích các giống lúa thuần chất lượng cao, năng suất khá, ổn định vào sản xuất.

+ Giống lúa thuần, chất lượng cao: Thiên Ưu 8, BC15, HT1, TBR225... đạt trên 65% trong cơ cấu giống của huyện.

+ Đẩy mạnh phát triển sản xuất, xây dựng nhãn hiệu hàng hóa, thương hiệu các sản phẩm rau, quả truyền thống của huyện.

### **- Cây ngô và rau màu**

Diện tích 440 ha, tập trung gieo trồng các cây trồng có giá trị kinh tế cao như: Dưa chuột, ngô ngọt, ngô nếp, mướp,...

*(Chi tiết tại phụ lục 4 phần phụ lục).*

### **2. Vụ đông**

Diện tích: 2.000 ha, phấn đấu giảm diện tích ngô đông, tăng diện tích các cây rau màu có giá trị kinh tế cao.

+ Cây ngô: 650 ha, chiếm 32,5%, trong đó tập trung vào các giống ngô (LVN4, HN45, NK66, NK6654, NK4300...), giống ngô biến đổi gen (NK4300 Bt/Gt, NK66 Bt/Gt) cho năng suất cao, chống chịu với sâu bệnh tốt;

+ Các loại rau màu: 1.350 ha, chiếm 67,5%, chủ yếu là các giống Dưa chuột, su su, bí đỏ, ớt, rau các loại...;



+ Xây dựng vùng sản xuất rau quả theo chuỗi giá trị áp dụng quy trình VietGap đối với một số sản phẩm rau quả (*ớt, su su, dưa chuột, bí đỏ, cà chua...*) và xây dựng nhãn hiệu hàng hóa, thương hiệu các sản phẩm rau, quả truyền thống của huyện.

*(Chi tiết tại phụ lục 5 phần phụ lục).*

### **III. CÁC GIẢI PHÁP CHÍNH**

#### **1. Tăng cường công tác chỉ đạo, tổ chức hướng dẫn sản xuất**

- Tuyên truyền sâu rộng để người dân gieo trồng hết diện tích tránh tình trạng bỏ trống đất trong vụ Đông; hướng dẫn người dân chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng có hiệu quả kinh tế vào sản xuất phù hợp theo từng điều kiện cụ thể của địa phương;

- Trên cơ sở những chủ trương, định hướng của huyện, các xã, thị trấn bám sát tình hình sản xuất, tổ chức hội nghị tổng kết sản xuất vụ Mùa - vụ Đông 2020 và định hướng sản xuất vụ Mùa - vụ Đông 2020. Có biện pháp chỉ đạo kịp thời, quyết liệt, thực sự coi đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm cần được ưu tiên ở địa phương;

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực giống cây trồng, phân bón, vật tư nông nghiệp. Tổ chức tốt các đợt thanh, kiểm tra hoạt động sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp trên địa bàn huyện để bảo vệ quyền lợi cho nông dân, nâng cao hơn nữa chất lượng các hoạt động dịch vụ;

- Xây dựng cơ cấu giống cây trồng phù hợp thế mạnh của từng địa phương, nhằm tạo ra những sản phẩm đặc trưng, phù hợp với điều kiện khí hậu, đất đai cũng như cho năng suất, chất lượng đem lại hiệu quả kinh tế cho người dân; góp phần giúp người dân dần thay đổi tư duy trong sản xuất nông nghiệp hình thành các vùng chuyên canh, sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp;

- Chỉ đạo các HTX rau an toàn trên địa bàn hoạt động tốt để dần tạo ra các sản phẩm rau an toàn mang thương hiệu của địa phương.

#### **2. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền**

- Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng: Ban Tuyên giáo, Đài truyền thanh huyện, hệ thống truyền thanh các xã, thị trấn, các hội nghị, lớp tập huấn ... tích cực tuyên truyền sâu rộng, phổ biến các chủ trương, định hướng của huyện về sản xuất vụ Mùa - vụ Đông 2020;

- Tập trung tuyên truyền, triển khai thực hiện các nội dung, định hướng phát triển, cơ chế hỗ trợ của tỉnh theo đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với chuyển đổi lao động nông thôn tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 để người dân biết, tham gia;

- Hướng dẫn cơ cấu giống, thời vụ, các mô hình sản xuất có hiệu quả, những biện pháp kỹ thuật thâm canh, những giống cây trồng phân bón mới và các công cụ sản xuất tiên bộ, tăng dần tỷ lệ cơ giới hoá, thông tin thị trường, các vấn đề phát sinh trong quá trình sản xuất và biện pháp khắc phục, đặc biệt tuyên truyền sâu

rộng các kỹ thuật thâm canh lúa, các kỹ thuật canh tác lúa cải tiến SRI, áp dụng “3 giảm, 3 tăng”, sử dụng phân bón hữu cơ, chế phẩm vi sinh để xử lý chất thải hữu cơ bón cho cây trồng và các giống cây trồng mới đưa vào sản xuất.

### **3. Bố trí cơ cấu cây trồng, giống và thời vụ hợp lý, phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương**

#### **3.1. Vụ mùa**

##### **3.1.1. Đối với cây lúa**

- Cơ cấu trà: Bố trí 1 trà lúa chính là mùa sớm;
- Cơ cấu giống, thời vụ: Thực hiện tốt “*Hướng dẫn cơ cấu giống thời vụ năm 2020*” của tỉnh và huyện;
- Sử dụng các giống lúa thuần, chất lượng cao như: BC15, Thiên ưu 8, HT1, RVT, TBR225..., đạt trên 65%;
- Thời vụ gieo mạ từ 01-10/6, cấy tuổi mạ 10 - 15 ngày.

##### **3.1.2. Đối với cây ngô và rau màu**

- Cây ngô, rau các loại: Thực hiện đa dạng hoá chủng loại sản phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường. Mở rộng diện tích trồng các loại cây có giá trị kinh tế cao, gắn với thị trường tiêu thụ như: Bí xanh, mướp, dưa chuột, ngô ngọt... Thời vụ gieo trồng trong tháng 6;
- Cây công nghiệp ngắn ngày: Đậu tương sử dụng giống DT84, DT96, DT 2000. Cây lạc sử dụng các giống như L14, L23, L18, TB25, sen lai ... bố trí trên đất có thành phần cơ giới nhẹ, không chủ động tưới tiêu. Thời vụ gieo Đậu tương từ 01 - 10/6, lạc gieo xong trước 5/7. Bố trí gieo trồng ở vằn cao, vằn trung bình, tiêu thoát nước.

#### **3.2. Vụ đông**

\* **Về giống:** Sử dụng các giống chủ yếu sau:

- Ngô NK4300, NK66, NK6654, LVN4, HN45...ngô ngọt, ngô nếp, ngô biến đổi gen;
- Đậu tương: DT84, DT96, DT2000...;
- Lạc: L14, L23, L18, TB25, sen lai...;
- Thông qua mô hình sản xuất rau quả hàng hóa an toàn heo VietGAP để mở rộng diện tích các loại cây hàng hóa: Dưa chuột các loại, bí đỏ, ớt, rau ăn lá...

\* **Về thời vụ:** Thời vụ gieo trồng kết thúc trước 15/10, riêng cây ngô, lạc, đậu tương kết thúc trước 25/9.

### **4. Công tác dịch vụ, phục vụ sản xuất**

#### **4.1. Về giống, vật tư phân bón, thuốc BVTV**

- Đảm bảo việc cung ứng giống cho nông dân phải xác định nguồn gốc giống đưa vào sản xuất, tránh nhập giống lúa từ vùng sản xuất đã bị bệnh. Chuẩn bị đủ số lượng giống, chất lượng và chủng loại vật tư phân bón, thuốc BVTV cho sản xuất;

- Tăng cường công tác thanh kiểm tra liên ngành các mạng lưới cửa hàng, đại lý, các hộ kinh doanh cá thể ở các chợ trên địa bàn huyện tránh tình trạng kinh doanh hàng kém chất lượng, hạn chế và cấm sử dụng gây ảnh hưởng đến sản xuất;

- Có biện pháp xử lý đối với các trường hợp đầu cơ, tăng giá, làm rối loạn thị trường giống, phân bón và thuốc BVTV trên địa bàn huyện.

#### **4.2. Công tác BVTV**

Trạm Trồng trọt và BVTV huyện phối hợp với các phòng, ban, ngành chức năng tăng cường công tác dự thính, dự báo sâu bệnh, chuột hại trên đồng ruộng, tổ chức có hiệu quả việc phòng trừ sâu bệnh, chuột hại nhất là cao điểm sâu bệnh (*tháng 7-9 vụ mùa, tháng 10-11 vụ đông*) tập trung vào các đối tượng sâu bệnh chính như: Sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy, đen lép hạt... theo dõi chặt chẽ các đối tượng sâu bệnh mới... Đẩy mạnh hướng dẫn nông dân ứng dụng biện pháp “*3 giảm, 3 tăng*”, SRI trên cây lúa, biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp trên tất cả các loại cây trồng. Làm tốt công tác quản lý nhà nước BVTV, phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

#### **4.3. Công tác chuyển giao và ứng dụng TBKT**

- Phòng Nông nghiệp và PTNT, Trạm khuyến nông, Trạm Trồng trọt & BVTV và các đoàn thể liên quan tổ chức tập huấn, hướng dẫn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật đến bà con nông dân. Quan tâm đến các xã vùng núi, vùng khó khăn, trong việc đưa TBKT vào sản xuất. Phối hợp chỉ đạo, xây dựng các vùng rau quả hàng hóa an toàn theo VietGAP để có cơ sở mở rộng cho những năm tiếp theo;

- Tiếp tục trình diễn, mở rộng quy mô áp dụng các TBKT mới về giống, thâm canh: Mô hình sử dụng phân bón, chế phẩm, các giống cây trồng mới, mở rộng quy mô các mô hình trình diễn, thử nghiệm để nông dân tham quan học tập;

- Đẩy nhanh tiến độ cơ giới hoá vào sản xuất nông nghiệp, nhất là khâu làm đất, thu hoạch lúa,...;

- Chú trọng hướng dẫn, tuyên truyền nông dân áp dụng các biện pháp kỹ thuật thâm canh, nhất là bón đủ phân, cân đối, tăng cường sử dụng phân hữu cơ sinh học, Làm đất bằng máy, bón phân cân đối dùng các loại phân tổng hợp thay thế cho phân đơn chất; Công tác phòng trừ sâu bệnh, cách nhận biết các loại sâu bệnh mới hại cây trồng và biện pháp phòng trừ...

#### **4.4. Về công tác thủy lợi**

- Tập trung chỉ đạo thực hiện các dự án cải tạo nâng cấp hồ đập, trạm bơm, kiên cố hoá kênh mương để phục vụ tưới, trữ nước và chủ động tiêu úng;

- Phòng Nông nghiệp và PTNT phối hợp chặt chẽ với Xí nghiệp Thủy lợi Tam Dương, Làng Hà xây dựng kế hoạch và thống nhất lịch tưới cụ thể ở từng xã, thị trấn chủ động tiêu úng và quản lý tốt nguồn nước, đảm bảo tưới tiêu hợp lý, tiết kiệm hiệu quả, góp phần nâng cao năng suất cây trồng. Kiểm tra, rà soát các luồng tiêu để có kế hoạch phân bổ luồng tiêu khi có úng lụt xảy ra;

- UBND xã, thị trấn, các Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi tiếp tục tu bổ, sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp hệ thống các công trình hiện có nhằm phục vụ tưới tiêu, tránh gây ngập úng cục bộ ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp khi mùa mưa bão đến. Đối với vùng phụ thuộc vào nước trời, hệ thống hồ đập, chủ động biện pháp hoành triệt các hồ, đập sau khi mùa mưa kết thúc để trữ nước tưới cho sản xuất vụ Đông Xuân 2021 - 2022.

#### **4.5. Xây dựng mô hình trình diễn, dự án, đề tài khoa học**

- Phòng Nông nghiệp và PTNT, các trạm: Khuyến nông, Trồng trọt và BVTV huyện phối hợp chặt chẽ với UBND xã, thị trấn, HTXDVNN thực hiện mô hình KH&CN; Nhân rộng các mô hình trình diễn các giống lúa thuần chất lượng có triển vọng, tiếp tục tìm ra các giống lúa mới năng suất, chất lượng phù hợp với điều kiện của địa phương;

- Tiếp tục triển khai phát triển thương hiệu Dứa Hương Đạo, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, nhằm đáp ứng được yêu cầu của thị trường ngày càng khắt khe.

#### **4.6. Tăng cường công tác quản lý nhà nước**

- Phòng Nông nghiệp và PTNT phối hợp với UBND các xã, thị trấn, các ngành chức năng liên quan tổ chức các đợt thanh kiểm tra chất lượng giống, vật tư phân bón, thuốc BVTV trên địa bàn huyện theo kế hoạch, nhất là vào đầu vụ sản xuất và các thời điểm tiêu thụ nhiều;

- UBND các xã, thị trấn chủ động kiểm tra, phát hiện vi phạm và báo cáo với UBND huyện để có biện pháp chỉ đạo xử lý; coi đây là công việc thường xuyên, góp phần bảo vệ quyền lợi cho nông dân.

### **5. Thực hiện Nghị quyết 20/2020/NQ-HĐND ngày 14/12/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc**

- Áp dụng phát triển sản xuất quy mô lớn, dần đưa cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp nhằm giúp nông dân giảm chi phí sản xuất, giảm sức lao động, nhân công và tranh thủ được thời gian trong quá trình canh tác;

- Mở rộng các vùng sản xuất lúa chất lượng như Thiên Ưu 8, BC15, RVT, HT1, TBR225... trên địa bàn huyện;

- Xây dựng các vùng sản xuất rau quả hàng hóa an toàn theo hướng VietGAP, phát huy tối đa các cây trồng lợi thế trên địa bàn huyện như dưa chuột, rau các loại, ớt, bí đỏ...đem lại hiệu quả kinh tế cao; dần hình thành vùng sản xuất theo chuỗi giá trị.

## **IV. YÊU CẦU- ĐỀ NGHỊ**

### **1. Yêu cầu**

1.1. Đối với các phòng, ban, ngành đoàn thể của huyện, các cơ quan liên quan tăng cường công tác phối hợp chặt chẽ, tập trung chỉ đạo sản xuất vụ Mùa - vụ Đông năm 2021 cụ thể, sâu sát, kịp thời theo chủ trương, định hướng của huyện ủy, UBND huyện đề ra.

1.2. Đối với UBND xã, thị trấn tập trung chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể triển khai thực hiện tốt kế hoạch sản xuất vụ Mùa - vụ Đông năm 2021 trên địa bàn. Chuyển tải các chủ trương, định hướng và giải pháp của tỉnh, huyện và xã tới bà con nông dân trên địa bàn. Có biện pháp cụ thể trong quá trình chỉ đạo sản xuất tại địa phương. Chú trọng chỉ đạo cán bộ chuyên môn để tổ chức thực hiện tốt kế hoạch sản xuất vụ Mùa - vụ Đông năm 2021 của huyện và xã, thị trấn.

## **2. Đề nghị**

### **2.1. Đề nghị UBND tỉnh:**

- Sớm có cơ chế hỗ trợ giống lúa chất lượng vụ Mùa và phát triển cây vụ Đông năm 2021 ngay từ đầu vụ để cho các xã, thị trấn trên địa bàn huyện, chủ động triển khai thực hiện, góp phần mở rộng diện tích lúa chất lượng và cây vụ Đông năm 2021;

- Có cơ chế, chính sách đẩy mạnh phát triển nông nghiệp công nghệ cao và hỗ trợ vùng khó khăn về nước tưới để chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

### **2.2. Đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT**

- Căn cứ nhu cầu thực tế về diện tích gieo trồng rau quả theo tiêu chuẩn VietGap của huyện đăng ký, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định;

- Chỉ đạo Công ty TNHH MTV Thủy lợi Liễn Sơn, Tam Đảo thực hiện tốt dịch vụ tưới, tiêu đảm bảo phục vụ sản xuất.

Việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện định hướng sản xuất vụ Mùa - vụ Đông 2021 là một trong những nhiệm vụ rất quan trọng của huyện. Yêu cầu các phòng, ban, cơ quan của huyện; UBND xã, thị trấn phát huy những yếu tố thuận lợi, khắc phục khó khăn, quyết tâm phấn đấu thực hiện có hiệu quả định hướng sản xuất vụ Mùa - vụ Đông 2021 hoàn thành chỉ tiêu đề ra./.

#### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh
- Sở NN&PTNT tỉnh(b/c);
- TT. Huyện uỷ; HĐND huyện
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- CPVP HĐND-UBND huyện;
- Các phòng, ban, đoàn thể của huyện;
- Các trạm: Khuyến nông, TT&BVTV huyện;
- Các xí nghiệp thủy lợi: Tam Dương, Làng Hà;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Minh Thế**

**PHỤ LỤC**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /4/2020 của UBND huyện)

**PHỤ LỤC 1. DT-NS-SL MỘT SỐ CÂY HÀNG NĂM VỤ MÙA 2020**

TT	Cây trồng	Diện tích (ha)		Năng suất (tạ/ha)		Sản lượng (tấn)	
		Vụ mùa 2020	So cùng kỳ ( $\pm$ )	Vụ mùa 2020	So cùng kỳ ( $\pm$ )	Vụ mùa 2020	So cùng kỳ ( $\pm$ )
1	Lúa	3.063,2	-71,2	52,3	2,8	16.020,7	504,9
2	Ngô	53,2	-0,2	40,3	0,3	214,4	0,8
3	Khoai lang	32,2	-9,8	105,5	0,5	340,45	-101,50
4	Lạc	35,4	-4,5	14	0	49,6	-6,31
5	Muróp	35,24	-3,1	175,9	0,9	602,4	-67,9
6	Dưa chuột	94,15	19,7	291,5	1,5	2.744,5	583,9
7	Bí xanh	4,8	-6,2	375	0	179,6	-232,9
8	Rau màu các loại	487,9	227,0		-	-	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>3.806,20</b>					

**PHỤ LỤC 2. DT-NS-SL MỘT SỐ CÂY HÀNG NĂM VỤ ĐÔNG 2020**

TT	Cây trồng	Diện tích(ha)		Năng suất(tạ/ha)		Sản lượng(tấn)	
		Vụ đông 2020	So cùng kỳ ( $\pm$ )	Vụ đông 2020	So cùng kỳ ( $\pm$ )	Vụ đông 2020	So cùng kỳ ( $\pm$ )
1	Ngô	492,6	12,6	43	0,2	2.118,1	63,7
2	Khoai lang	121,8	-13,95	109,2	0,2	1.329,6	-149,6
3	Lạc	37,1	-8,9	19,2	-0,3	71,2	-18,5
4	Đậu tương	15,8	-19,2	18,1	-0,5	28,6	-36,5
5	Dưa chuột	290,4	56,9	498,5	0,5	14.477,4	2.848,1
6	Bí đỏ	230,1	-0,9	165,8	0,6	3.814,2	-1,4
7	Su su	28,8	-5,6	299,8	0,8	859,5	-163,7
8	Khoai tây	19	-3,3	146,9	0,2	279,1	-48,8
9	Cải các loại	214,2	35,1	170	0,8	3.642,1	611,2
10	Rau màu khác	419,8	4,82		-		-
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.869,43</b>					

**PHỤ LỤC 3. CƠ CẤU GIỐNG LÚA VỤ MÙA 2020**

<b>TT</b>	<b>Tên giống</b>	<b>Diện tích (ha)</b>	<b>Năng suất (tạ/ha)</b>	<b>Sản lượng (tấn)</b>
1	Khang dân 18	824,1	49,8	4.104,02
2	QR1	16,7	49,7	83,00
3	TBR36	91,7	53	486,01
4	Thiên ưu 8	474,8	52,2	2.478,46
5	BC15	1011,6	52,3	5.290,67
6	RVT	25,2	49,9	125,75
7	Giống khác	619,13	52	3.219,48
<b>Tổng</b>		<b>3.063,2</b>	<b>51,3</b>	<b>15.714,4</b>

**PHỤ LỤC 4. KẾ HOẠCH DT-NS-SL MỘT SỐ CÂY TRỒNG CHÍNH VỤ MÙA NĂM 2020**

<b>TT</b>	<b>Loại cây</b>	<b>Diện tích (ha)</b>	<b>Năng suất (tạ/ha)</b>	<b>Sản lượng (tấn)</b>
1	Lúa	3.000	52	15.600
2	Ngô	50	40	200
3	Lạc	30	14	42
4	Khoai lang	30	105	315
5	Mướp	30	170	510
6	Dưa chuột	90	290	2.610
7	Rau màu các loại khác	210	-	-
<b>Cộng</b>		<b>3.440</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**PHỤ LỤC 5. KẾ HOẠCH DT-NS-SL MỘT SỐ CÂY TRỒNG CHÍNH  
VỤ ĐÔNG NĂM 2020**

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu (Loại cây)</b>	<b>Diện tích (ha)</b>	<b>Năng suất (tạ/ha)</b>	<b>Sản lượng (tấn)</b>
1	Ngô	650	43	5.160
2	Khoai lang	120	110	1.320
3	Lạc	40	19	76
4	Dưa chuột	290	500	14.500
5	Bí đỏ	250	160	4.000
6	Khoai tây	35	150	525
7	Su su	35	300	1.050
8	Ớt	60	80	480
9	Rau màu khác	520	-	-
<b>Tổng</b>		<b>2.000</b>		